TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **143**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thạnh Phú, ngày 16 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NH THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1986; ĐKTT: 21/4 ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh B; tạm trú: hẻm 595/29 A2, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài H, sinh năm: 1982; nơi cư trú: 21/4 ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng X; địa chỉ: số 169, phố L, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật là ông Dương Quyết T, chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh D; chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh B. Ông Phạm Thanh D ủy quyền cho ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh B tham gia tố tụng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nH sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2023

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hoài H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hoài H thuận tình ly hôn.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hoài H không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

- Về con chung: cháu Nguyễn Nhựt L, sinh ngày 05/4/2005 đã trưởng thành

chị B và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 27/10/2011 và ghi nhận việc anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

- Về tài sản chung: chị B và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hoài H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng X số tiền tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/6/2023 là 50.096.474 đồng. Đồng thời chị B và anh H phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 08/6/2023 theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 6600000718067909 ngày 12/6/2020 đã ký kết với Ngân hàng X - Phòng Giao dịch Ngân hàng X. Thời hạn trả tiền khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Chị B có nghĩa vụ chịu 75.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005740, ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, còn lại số tiền 225.000 đồng được hoàn trả cho chị B.

+ Anh H có nghĩa vụ chịu 75.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị B có nghĩa vụ chịu 626.205 đồng, anh H có nghĩa vụ chịu 626.205 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nH*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung